

Số: 2257/TM-CHP

Hải Phòng, ngày 06 tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI

V/v tham vấn để lựa chọn nhà thầu gói TB04: Trang bị 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng thuộc Dự án đầu tư xây dựng các Bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng.

Dự án đầu tư xây dựng các Bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại Khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng do Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) làm Chủ đầu tư và đang được triển khai thực hiện.

Hiện nay, Cảng Hải Phòng đang có nhu cầu tham vấn các đơn vị có năng lực và kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa cho gói TB04: Trang bị 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng thuộc Dự án đầu tư xây dựng các Bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng

Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý công ty thông tin về dự án và đề nghị Quý công ty tham vấn cho gói TB04: Trang bị 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng với các thông tin như sau:

1. Giới thiệu dự án:

Dự án đầu tư xây dựng các Bến container số 3 và số 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (tại khu bến cảng Lạch Huyện), thành phố Hải Phòng do Cảng Hải Phòng làm Chủ đầu tư với quy mô:

- Xây dựng 02 bến container cho tàu đến 100.000DWT (~8.000 teus) với tổng chiều dài 750m, rộng 50m; Bến sà lan, dịch vụ cho cỡ tàu đến 160 teus (~3.000DWT) với tổng chiều dài 250m (gồm cả 50m bề rộng của bến chính), rộng 15m; Kè bảo vệ bờ;

- Hệ thống bãi chứa hàng, đường giao thông, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên diện tích 47ha.

- Các thiết bị chính phục vụ khai thác: 06 cần trục STS trên bến chính; 24 cần trục RTG; 02 xe nâng RSD; 01 xe nâng vỏ container; 50 đầu kéo + rơ moóc; 01 cầu trục xưởng sửa chữa; 08 cân xe tại cổng cảng và phần mềm quản lý vận hành cảng TOS.



2. Giới thiệu về gói TB04

2.1. Phạm vi công việc

- Cung cấp 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng.

2.2. Yêu cầu về thời gian thực hiện

- Tiến độ cung cấp 02 xe cứu hỏa: 03 tháng.

3. Thông tin yêu cầu cung cấp khi thực hiện tham vấn

- Hồ sơ, tài liệu được thể hiện đúng, đầy đủ thông tin đáp ứng được mục tiêu và yêu cầu theo nội dung tại Phụ lục I đính kèm.

- Giá đề xuất phải thể hiện rõ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) và tất cả các chi phí liên quan theo nội dung tại Phụ lục II đính kèm (được niêm phong trong một túi riêng biệt).

- Kế hoạch, phương án, tiến độ thời gian triển khai thực hiện.

- Chính sách hỗ trợ, bảo hành, kiểm tra, chạy thử và bảo hành trong thời gian thực hiện.

4. Địa điểm và thời gian nộp hồ sơ dự tham vấn

- Địa điểm: Trụ sở văn phòng Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Địa chỉ: số 8A Trần Phú, phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Thời gian nộp hồ sơ dự tham vấn: trước **17 giờ 00 phút, ngày 11/6/2025**.

5. Thông tin liên hệ

- Ông: Nguyễn Thành Trung – Phòng kỹ thuật Cảng Hải Phòng

- Số điện thoại liên hệ: 0974477968

- Email: thanhtrung0982@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban QLDA CNHH VIMC (để p/h);
- Lưu: KT, VT



Nguyễn Tường Anh

PHỤ LỤC I: PHẠM VI CUNG CẤP

(Kèm theo thư mời số 2257 /CHP-KT ngày 06/..6./2025 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)

I. Giới thiệu về gói TB04

- Tên gói thầu: Gói TB04: Trang bị 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng
- Nguồn vốn: Bằng nguồn vốn tự có và vốn huy động hợp pháp của Chủ đầu tư;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 03 tháng
- Phạm vi công việc của gói TB04: Trang bị 02 xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng.

II. Các yêu cầu về kỹ thuật

1. Yêu cầu chung:

- Xe ô tô cứu hỏa (xe chữa cháy) là hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2024/2025 có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo yêu cầu của thư mời tham vấn.

2. Yêu cầu chi tiết

- Nhà thầu/ Hãng sản xuất xe chữa cháy có các giấy tờ xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Phòng cháy chữa cháy do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Nhà thầu/ Hãng sản xuất xe chữa cháy có Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất xe cơ sở.

- Phải có cam kết bảo hành của nhà sản xuất xe cơ sở đối với trường hợp sử dụng xe cơ sở để lắp ráp thành xe chữa cháy hoàn chỉnh.

- Hàng hóa chào thầu đã được Cục đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp và được Cục cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu trong hồ sơ dự tham vấn để chứng minh tính hợp lệ, đáp ứng của hàng hóa chào thầu đối với các hàng hóa cung cấp, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu:

+ Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về kỹ thuật nêu tại thư mời tham vấn với đầy đủ tên, chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất, mã hiệu, thông số kỹ thuật.

+ Tài liệu kỹ thuật/Catalogue và các tài liệu khác (nếu có) của hàng hóa/thiết bị do nhà sản xuất phát hành hoặc in từ website chính thức của nhà sản xuất (có bản dịch Tiếng Việt nếu được viết bằng ngôn ngữ khác). Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu.

+ Trường hợp nhà thầu không phải là Nhà sản xuất hàng hóa: Bản gốc Giấy phép bán hàng hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của Nhà sản xuất hoặc của Đại lý/đại diện phân phối/văn phòng đại diện chính hãng tại khu vực hoặc tại Việt Nam (kèm theo tài liệu chứng minh là đại lý/đại diện phân phối chính hãng của nhà sản xuất). Trường hợp, trong hồ sơ dự tham vấn, nhà thầu không đóng kèm giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá hồ sơ dự tham vấn. Nhà thầu chỉ được trao hợp đồng sau khi đã đệ trình cho Chủ đầu tư giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương.

- Thông số kỹ thuật cơ bản:

Các nội dung về thông số kỹ thuật phải được nhà thầu điền đầy đủ vào cột “Đáp ứng của nhà thầu” theo bảng dưới đây.

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
A	Yêu cầu chung		
1.	Dung tích téc nước	3.600 lít	
2.	Dung tích téc foam (bọt)	400 lít	
3.	Năm sản xuất	Năm 2024/2025	
4.	Màu sơn của vỏ xe	Màu đỏ	
5.	Cam kết của nhà thầu	+ Nhà thầu có cam kết cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện Phòng cháy và chữa cháy do cơ quan có thẩm quyền cấp. + Nhà thầu có cam kết hàng hóa chào thầu đáp ứng TCVN 13316-1:2021 (Phòng cháy chữa cháy – xe ô tô chữa cháy – Phần 1: Yêu cầu chung và phương pháp thử) và TCVN 13316-3:2022 (Phòng cháy chữa cháy – xe ô tô chữa cháy – Phần 3: Xe chữa cháy hóa chất bột), TCVN 13316-6:2023 (Phòng cháy chữa cháy – xe ô tô chữa cháy – Phần 6: Xe chữa cháy hệ thống bọt khí nén).	
6.	Cơ sở sản xuất	Cơ sở sản xuất có đầy đủ giấy xác	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
		nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy do Cục Cảnh sát PCCC và CNCH – Bộ Công An cấp.	
B	Thông số kỹ thuật chi tiết		
I	Xe cơ sở		
1.	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥ 150	
2.	Tổng trọng tải (kg)	≥ 10.000	
3.	Cabin	+ Loại Cabin kép, có trang bị điều hòa nhiệt độ. Cabin của xe được nâng hạ bằng hệ thống thủy lực, đảm bảo an toàn và tiện ích cho quá trình nâng hạ cabin tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo dưỡng, sửa chữa. Cụm ghế lái có thể điều chỉnh được theo chiều dọc của xe. + Số cửa: ≥ 4. + Số chỗ ngồi: ≥ 06 chỗ ngồi (kể cả lái xe)	
4	Động cơ		
4.1	Loại	- Động cơ sử dụng nhiên liệu diesel, có turbo tăng áp và làm mát bằng nước - Đạt tiêu chuẩn khí thải tối thiểu Euro 4 hoặc tương đương	
4.2	Công suất động cơ	$\geq 140\text{Kw}$	
4.3	Tỷ lệ công suất	$\geq 10 \text{ kw/t}$	
5	Hệ thống truyền lực		
5.1	Kiểu truyền lực bánh xe	4x2	
5.2	Ly hợp	Loại đĩa ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực khí nén	
5.3	Hộp số	Điều khiển bằng tay, tối thiểu 6 số tiến, 1 số lùi	
5.4	Vận tốc lớn nhất	$\geq 90 \text{ km/h}$	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
5.5	Độ dốc lớn nhất xe vượt được	$\geq 20\%$	
6	Hệ thống treo		
6.1	Trục trước	Giảm chấn thủy lực	
6.2	Trục sau	Nhíp lá	
7	Hệ thống lái		
7.2	Dẫn động	Cơ khí có trợ lực thủy lực	
7.3	Vô lăng lái	Vô lăng lái có thể thay đổi độ nghiêng và chiều cao.	
8	Hệ thống phanh		
	Phanh chính	Tang trống, dẫn động phanh thủy lực, điều khiển khí nén.	
9	Hệ thống khác		
9.1	Thùng nhiên liệu (lít)	≥ 140	
9.2	Cửa sổ điện	Có	
9.3	Khóa cửa trung tâm	Có	
9.4	CD, AM/FM Radio	Có	
9.5	Hệ thống điện	24V	
9.6	Ắc quy	2 bình - 12V	
II	Thân xe chữa cháy và hệ thống chữa cháy		
1	Thân xe chữa cháy		
1.1	Vật liệu	Làm bằng các khung nhôm hợp kim nhẹ.	
1.3	Nóc thân xe và sàn làm việc	Nóc thân xe thiết kế chống trượt, làm bằng các tấm nhôm chống ăn mòn cho nhân viên chữa cháy thao tác ở trên	
1.4	Thang ống	Có bố trí tối thiểu 01 thang ở phía sau xe để lên/xuống nóc và sàn làm việc dễ dàng.	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
2	Khoang chứa dụng cụ, dụng cụ chữa cháy		
	Kết cấu khoang chứa	- Khung và bề mặt được làm từ vật liệu chống ăn mòn hoặc được xử lý chống ăn mòn - Khung chịu lực, kết cấu được gia cường với thân xe. - Trong khoang có các giá đỡ thiết bị, thiết bị chữa cháy theo tiêu chuẩn. Giá đỡ thiết bị nhẹ ở trên, thiết bị nặng ở phía dưới - Có cửa đóng mở các khoang chứa dụng cụ. Cửa được làm bằng vật liệu chống ăn mòn hoặc được xử lý chống ăn mòn. Được đóng mở bằng thiết bị tự cuốn phía trên - Có đèn chiếu sáng khoang chứa dụng cụ đảm bảo chiếu sáng toàn bộ khoang - Các ngăn kín phải có thông gió, chống ẩm và thoát nước - Có khóa cửa đóng các cửa khoang lại khi không hoạt động và xe khi di chuyển	
3	Khoang chứa bơm chữa cháy và bảng điều khiển		
3.1	Vị trí	Lắp ở phía sau xe, được bố trí với không gian hợp lý, thuận tiện cho người sử dụng, và thuận lợi cho quá trình bảo dưỡng sửa chữa.	
3.2	Vật liệu	Khung chịu lực và bề mặt khoang được chế tạo từ vật liệu chống ăn mòn hợp kim nhôm hoặc tương đương. Bề mặt được xử lý chống ăn mòn	
3.3	Cấu tạo	Gồm khoang chứa bơm và bảng điều khiển bơm. Trên bảng điều khiển có lắp hệ	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
		thống an toàn; hệ thống đặt áp suất làm việc cho bơm; hệ thống tăng ga; các đèn chỉ báo mức nước công nghệ LED tiên tiến, thuận lợi và chính xác; đèn báo mức Foam công nghệ LED; đồng hồ báo áp suất âm; đồng hồ báo áp suất phun; báo tốc độ vòng quay của bơm...	
4	Téc chứa nước		
4.1	Dung tích téc nước (lít)	3.600	
4.2	Vật liệu	Làm bằng Inox 304 hoặc tương đương, chống ăn mòn và có đặc tính cơ học cao.	
4.3	Kết cấu	Thùng chứa nước được hàn chắc chắn chống mài mòn. Thùng nước có lỗ để kiểm tra và làm vệ sinh, có tấm ngăn chống sóng, ống chống tràn và các thiết bị khác. Có lắp thiết bị hiển thị mức nước.	
4.4	Cửa cấp nước	Có thể cấp nước từ bơm của xe hoặc từ các nguồn nước khác như trụ nước, sông, hồ hay là các xe khác... Cửa cấp nước có khớp nối nhanh theo tiêu chuẩn Việt Nam.	
4.5	Nắp kiểm tra	Tối thiểu 01 nắp trên nóc thùng, đường kính phù hợp thuận tiện cho công tác vệ sinh, sửa chữa téc.	
4.6	Cửa thoát nước chống tràn	Có trang bị	
4.7	Lắp đặt	Bồn chứa nước lắp ráp với xe cơ sở thông qua các bu lông, ốc vít	
4.8	Van xả đáy	Có trang bị 01 van xả đáy ở vị trí thấp nhất của téc nhằm đảm bảo xả sạch nước trong téc.	
4.9	Nóc téc	Được gia cường bằng hợp kim	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan		Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
			nhôm chống trượt đảm bảo an toàn khi làm việc phía trên.	
5	Téc chứa bọt			
5.1	Dung tích téc bọt (foam)		400 lít	
5.2	Vật liệu		Làm bằng Inox 304 hoặc tương đương, chống ăn mòn và có đặc tính cơ học cao.	
5.3	Kết cấu		Téc hóa chất được làm liền khối, chống mài mòn và hư hại từ hoá chất. Tec hóa chất có: - Cửa tiếp Foam - Thiết bị hiển thị mức Foam công nghệ LED - Lỗ thoát chân không và áp lực - Van xả đáy	
5.4	Thiết bị		01 bộ đo mức Foam công nghệ LED cho téc Foam	
6	Bơm nước chữa cháy			
6.1	Bơm chính	Loại bơm	Bơm ly tâm	
		Lưu lượng (Tại áp suất 10 bar)	≥ 3.000 lít/phút	
		Cánh bơm	Bằng hợp kim đồng, sử dụng công nghệ đúc chân không, làm giảm các khuyết tật của sản phẩm khi đúc. Cánh bơm được cân bằng động	
		Vỏ bơm	Bằng gang, có khả năng chống ăn mòn và mài mòn.	
		Thiết bị hiển thị tốc độ quay của bơm	Trên bơm chính có tích hợp sẵn bộ hiển thị tốc độ quay của bơm, có thể lựa chọn được áp suất và lượng nước thích hợp cho từng trường hợp cụ thể.	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan		Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
6.2	Bơm môi điện	Kiểu bơm	Bơm chân không cánh gạt, cánh bơm được làm bằng vật liệu phi kim có dầu bôi trơn	
		Dẫn động	Dẫn động bơm điện 24V	
		Kết cấu	Bao gồm: Mô tơ điện 24 V truyền động đến bơm cánh gạt, làm quay bơm. Có van điều khiển kép giúp cho việc hút nước trở nên dễ dàng Có trang bị một đồng hồ báo áp suất âm giúp cho người sử dụng có được thông tin của hệ thống khi hút.	
		Chiều sâu hút	≥ 8 m	
		Thời gian hút được nước	≤ 25 (giây)	
6.3	Hệ thống trộn hóa chất	Loại hệ thống	Hệ thống trộn hóa chất tuần hoàn, sử dụng áp suất nước mà bơm chính tạo ra để trộn Foam vào đường hút của bơm, với tỷ lệ trộn từ 1 %, 3%, 6%	
		Thông số chính:	1/ Đạt tối thiểu 8.000 Lít/ Phút tại 1% Đạt tối thiểu 8.000 Lít/ Phút tại 3% Đạt tối thiểu 4.000 Lít/ Phút tại 6% 2/ Các bộ phận chính: Bộ hút Eductor Bộ chia tỷ lệ trộn Foam Bộ điều khiển và tấm hiển thị tỷ lệ chia Van một chiều ngăn nước tràn lên téc bọt Van điều khiển hóa chất và áp suất phun qua Eductor.	
7	Bộ trích công suất PTO			
7.1	Yêu cầu chung		Theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
7.2	Hệ thống cài PTO	Hệ thống khí nén điều khiển bằng van điện từ	
7.3	Hệ thống làm mát cho PTO	Bơm dầu bôi trơn làm mát, nhiệt độ tối đa nhỏ hơn 100 ⁰ C	
7.4	Vật liệu vỏ PTO	Gang cầu	
8	Lăng giá		
8.1	Kiểu	Điều khiển bằng cơ, có khả năng phun nước, hỗn hợp nước và Foam chữa cháy	
8.2	Góc quay của lăng giá ở mặt phẳng nằm ngang (độ)	360°	
8.3	Góc quay tối thiểu của lăng giá ở mặt phẳng thẳng đứng (độ)	- 15° đến +75°	
8.4	Lưu lượng phun	≥ 1.700 lít/phút	
8.5	Tầm phun xa tối đa của lăng giá (m)	≥ 50	
8.6	Cửa vào	≥ 2 ½ inch	
8.7	Cửa ra	≥ 2 inch	
8.8	Vật liệu	Hợp kim nhôm	
9	Họng xả, họng hút		
9.1	Họng xả: có khớp nối nhanh theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành		
	- Đường kính trong (mm)	≥65	
	- Số lượng (chiếc)	≥02	
	- Vị trí	Phía sau xe và hai bên	
9.2	Họng hút: có khớp nối nhanh theo Tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành		
	- Đường kính trong (mm)	≥125	
	- Số lượng (chiếc)	≥01	
	- Vị trí	Phía sau xe	

Stt	Tên hàng hóa và dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Đáp ứng của nhà thầu
9.3	Hạng xả từ bơm đến lăng giá		
	- Đường kính (mm)	≥ 65	
	- Số lượng (chiếc)	≥ 01	
	- Vị trí	Nóc xe	

Ghi chú: Nhà thầu điền đầy đủ các thông tin của hàng hóa chào vào cột “Đáp ứng của nhà thầu” để chứng minh sự đáp ứng.

- Yêu cầu trang thiết bị theo xe:

STT	Thiết bị		Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Vòi chữa cháy	$30 \text{ L/s} < Q \leq 60 \text{ L/s}$	m	320	10 cuộn Ø50 mm, 06 cuộn Ø65 mm hoặc Ø80 mm
		$Q \leq 30 \text{ L/s}$	m	200	05 cuộn Ø50 mm, 05 cuộn Ø65 mm hoặc Ø80 mm
		$Q > 60 \text{ L/s}$	m	400	10 cuộn Ø50mm, 10 cuộn Ø65mm hoặc Ø80 mm
2.	Hệ thống phản ứng nhanh		Hệ thống	01	Lưu lượng $\geq 150 \text{ l/phút}$ ở áp suất 0,8-1MPa; Ø $\leq 32\text{mm}$, độ dài $\geq 30 \text{ m}$; lăng phun đa tác dụng
3.	Lăng B chữa cháy cầm tay		Chiếc	02	Đường kính trong đầu lăng: $\geq \text{Ø}13 \text{ mm}$ và $\leq \text{Ø}16 \text{ mm}$
4.	Lăng A chữa cháy cầm tay		Chiếc	02	Đường kính trong đầu lăng: $\geq \text{Ø}16 \text{ mm}$ và $\leq \text{Ø}25 \text{ mm}$
5.	Lăng chữa cháy đa tác dụng		Chiếc	02	D50
6.	Lăng phun bột chữa cháy		Chiếc	02	400 l/phút
7.	Lăng giá chữa cháy di động		Chiếc	01	Lưu lượng $\geq 1200 \text{ L/phút}$
8.	Bình bột chữa cháy		Bình	02	8 kg, bột ABC
9.	Ống hút bột bên ngoài và cờ lê		Chiếc	01	
10.	Ezeccrer hút bột		Chiếc	01	
11.	Ezeccer hút nước		Chiếc	01	$Q \leq 60 \text{ L/s}$
12.			Chiếc	02	$Q > 60 \text{ L/s}$
13.	Ba chạc		Chiếc	02	$Q \leq 60 \text{ L/s}$
14.			Chiếc	03	$Q > 60 \text{ L/s}$
15.	Cờ lê đóng mở vòi hút nước		Chiếc	02	

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
16.	Cờ lê đóng mở vòi phun chữa cháy	Chiếc	04	
17.	Cờ lê đóng mở trụ nước chữa cháy	Chiếc	02	
18.	Thang móc chữa cháy	Chiếc	01	$\geq 3\text{m}$
19.	Thang hai hoặc thang ba chữa cháy	Chiếc	01	$\geq 6\text{m}$
20.	Đầu nối hỗn hợp	Chiếc	02	$\varnothing 50-65$
		Chiếc	02	$\varnothing 65-80$
		Chiếc	02	$\varnothing 50-80$
21.	Cầu bảo vệ vòi	Chiếc	02	
22.	Vá vòi chữa cháy	Chiếc	04	
23.	Kẹp vòi chữa cháy	Chiếc	04	
24.	Câu liêm	Chiếc	02	
25.	Bồ cào	Chiếc	01	
26.	Búa cao su	Chiếc	01	
27.	Rìu chữa cháy	Chiếc	01	
28.	Đèn chiếu sáng xách tay	Chiếc	02	Loại sạc pin
29.	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	06	
30.	Dụng cụ phá dỡ	Bộ	01	Bao gồm: Thiết bị banh, cắt, thiết bị mở cửa, thiết bị cắt cách điện, kìm cắt cộng lực tay cầm cách điện
31.	Xẻng chữa cháy	Chiếc	02	
32.	Búa tạ	Chiếc	01	Búa sắt
33.	Kìm cắt cộng lực	Chiếc	01	
34.	Cuốc chim	Chiếc	01	
35.	Chăn chiên chữa cháy	Chiếc	01	
36.	Thiết bị hút khói di động	Chiếc	01	
37.	Ống hút nước chữa cháy	m	≥ 8	
38.	Giỏ lọc của ống hút nước	Chiếc	8m ống hút/ 1 chiếc	
39.	Vòi tiếp nước chữa cháy	m	10	$\varnothing 80\text{ mm}$
40.	Bơm chữa cháy khiêng tay	Chiếc	01	Động cơ: $\geq 12\text{kw}$, Công

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
				suất xả tối đa $\geq 520\text{l/phút}$ (ở 0.5Mpa), $\geq 340\text{l/phút}$ (ở 0.7Mpa)

Ghi chú: “Q” theo bảng trên là lưu lượng danh định của bơm chữa cháy.

3. Các yêu cầu khác

3.1. Tiêu chuẩn sản xuất hàng hóa:

Hàng hóa cung cấp sẽ được thiết kế, chế tạo và trang bị phù hợp với một và/hoặc các tiêu chuẩn như sau: FEM, BS, SAE, JIS, ISO phiên bản mới nhất hoặc tiêu chuẩn tương đương khác. Nhà thầu phải nêu rõ chi tiết trong hồ sơ dự thầu.

3.2. Dụng cụ bảo trì và huấn luyện:

- Nhà thầu phải cung cấp bộ dụng cụ bảo dưỡng, sửa chữa theo hàng hóa theo quy định của nhà sản xuất hàng hóa.

- Nhà thầu tổ chức huấn luyện cho người vận hành và thợ bảo trì, sửa chữa tại địa điểm của chủ đầu tư. Các nội dung huấn luyện cơ bản như sau: Cấu trúc, nguyên lý hoạt động của các hệ thống; kỹ năng nhận biết các hư hỏng, sự cố; kỹ năng kiểm tra, hiệu chỉnh, chẩn đoán, sửa chữa; các cơ cấu đặc biệt (nếu có); Kỹ thuật vận hành an toàn; các chế độ bảo trì, bảo dưỡng, các điểm cần lưu ý khi bảo dưỡng và khả năng cung cấp vật tư tại Việt Nam.

3.3. Tài liệu kỹ thuật:

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu như sau khi bàn giao hàng hóa:
 + Bản vẽ, sơ đồ nguyên lý mạch điện, cơ khí, thủy lực và khí nén.
 + Các tài liệu kỹ thuật, danh mục phụ tùng, tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì cùng với những bản vẽ, những sơ đồ và những tài liệu cần thiết khác để Chủ đầu tư có thể tự thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng hàng hóa.

3.4. Yêu cầu về huấn luyện đào tạo, chuyển giao:

- Nhà thầu chạy thử, vận hành thiết bị tại địa điểm bàn giao;
 - Nhà thầu nêu rõ trong hồ sơ dự thầu kế hoạch và nội dung đào tạo, chuyển giao bao gồm:
 + Kế hoạch đào tạo rõ ràng, chi tiết cho đơn vị sử dụng, vận hành
 + Nội dung đào tạo: hướng dẫn sử dụng vận hành thiết bị, xử lý các tình huống hư hỏng.

4. Chỉ dẫn, kiểm tra và thử nghiệm

4.1. Chỉ dẫn đối với hàng hóa:

Các chỉ dẫn đối với hàng hóa dưới đây chỉ nhằm mục đích mô tả. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác miễn là nhà thầu

chứng minh rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương hoặc cao hơn so với mô tả.

Cơ sở sản xuất hàng hóa đạt tiêu chuẩn tối thiểu ISO 9001:2015 hoặc tương đương. Các khớp nối đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 5739-1993. Vòi chữa cháy đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 1940-2009.

Các bộ phận cơ bản (động cơ, hộp số, hệ thống bơm chữa cháy, hệ thống trộn bột) phải được gắn đầy đủ nhãn mác từ hãng sản xuất của bộ phận đó. Nhãn mác thể hiện các thông số kỹ thuật cơ bản, số hiệu, nơi sản xuất, các cảnh báo an toàn và các thông tin khác. Hãng sản xuất bộ phận cấu thành của hàng hóa như sau:

- Xe cơ sở: Isuzu, Hino hoặc tương đương.
- Bơm cứu hỏa: Waterous hoặc tương đương.
- Hệ thống trộn hóa chất: Feecon, Foamate, Shilla hoặc tương đương.
- Bộ trích công suất PTO: Interpump hoặc tương đương.
- Lăng giá: Shilla hoặc tương đương.

Xe cơ sở được thiết kế chắc chắn, độ bám đường cao, có khả năng chống lật. Cabin xe được thiết kế hiện đại, có cửa ra vào rộng, tầm nhìn xung quanh tốt. Thiết bị lắp đặt trong cabin gồm âm ly, loa phóng thanh cho hệ thống đèn còi ưu tiên, công tắc điều khiển cho hệ thống chuyên dùng, các thiết bị theo xe cơ sở...

Khung sườn (ngoại trừ của xe cơ sở) và các khoang chứa dụng cụ phương tiện chữa cháy, bơm chữa cháy và bảng điều khiển được làm bằng hợp kim nhôm nhẹ, chắc chắn. Khung chịu lực được chế tạo từ hợp kim nhôm định hình A6063 hoặc tương đương. Bề mặt được chế tạo từ nhôm tấm hợp kim A5052 hoặc tương đương. Thiết kế phù hợp cho việc thông gió và thoát nước ở các vị trí cần thiết. Thân xe dễ dàng tiếp cận vị trí đặt ống dẫn, dụng cụ. Thang leo lên nóc xe có thể nâng hạ để thao tác thuận tiện. Cửa đóng mở khoang chứa dụng cụ phương tiện chữa cháy, bơm chữa cháy và bảng điều khiển dạng cửa cuốn có khóa, cửa làm bằng nhôm hoặc tương đương có trọng lượng nhẹ, độ bền cơ học cao, thao tác nhanh chóng. Các thiết bị trong khoang chứa được bố trí hợp lý giúp xe chạy ổn định và thuận lợi cho người sử dụng khi thao tác. Bảng điều khiển tích hợp các chức năng hợp lý để một người có thể điều khiển được.

Hệ thống trộn hóa chất có thể sử dụng được với bột protein, bột flo (FFFP), bột khí tổng hợp, bột hình thành từ màn hơi nước (AFFF).

4.2. Kiểm tra và thử nghiệm:

Địa điểm bàn giao, thử nghiệm hàng hóa: tại bến số 3, số 4 Lạch Huyện, khu bến cảng Lạch Huyện, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Kiểm tra, thử nghiệm toàn bộ các hoạt động và chức năng của hàng hóa đáp ứng các yêu cầu của thư mời tham vấn. Các thử nghiệm gồm có:

- Hoạt động thử tải theo thông số kỹ thuật của hàng hóa.
- Thử tải trên dốc nghiêng.
- Kiểm tra toàn bộ các cơ cấu theo yêu cầu của thư mời tham vấn.



PHỤ LỤC II: KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo thư mời số 2257/CHP-KT ngày 06/6/2025 của Công ty cổ phần
Cảng Hải Phòng)

Mẫu số 1

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN

STT	Nội dung	Giá dự tham vấn
1	Giá của hàng hóa	(M)
2	Giá dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của công ty
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 2

BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Mã HS	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(7)
1	Xe cứu hỏa chữa cháy chuyên dụng	Chiếc	02				M1
Tổng cộng giá của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(M)

Đại diện hợp pháp của công ty
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền
							(Cột 3x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nghiệm thu, thử tải, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng	01	Công việc	Khu bến cảng Lạch Huyện, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng;	- Trong vòng tối đa 02 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực		
Tổng cộng giá cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Đại diện hợp pháp của công ty
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

